

Bản án số: 40/2024/HNGĐ-ST;

Ngày: 30/9/2024.

V/v tranh chấp hôn nhân gia đình.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚC THỌ – THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Thanh Hải.

Các Hội thẩm nhân dân:

+ Bà Nguyễn Kim Oanh.

+ Ông Lê Xuân Sơn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lương Hữu Bình – Thư ký Toà án nhân dân huyện Phúc Thọ - Thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phúc Thọ – Thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Khuất Thu Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2024, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Phúc Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 116/2024/TLST-HNGĐ ngày 21/8/2024 về việc “*Tranh chấp hôn nhân gia đình*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 44/2024/QĐST-HNGĐ ngày 17/9/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 34/2024/QĐST-HNGĐ ngày 28/9/2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị X**, sinh năm 1971, có mặt.

Địa chỉ: Thôn 8, xã PT, huyện Phúc Thọ, thành phố Hà Nội.

- Bị đơn: Anh **Dương Văn L**, sinh năm 1968, vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn 8, xã PT, huyện Phúc Thọ, thành phố Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***Tại Đơn khởi kiện, quá trình tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn trình bày:**

Về quan hệ hôn nhân: Chị kết hôn với anh Dương Văn L, sinh năm 1968; Địa chỉ: Thôn 8, xã PT, huyện Phúc Thọ, thành phố Hà Nội ngày 29/10/2010, đăng ký kết hôn tại UBND xã PT, huyện Phúc Thọ, thành phố Hà Nội. Cưới xong vợ chồng về sinh sống riêng tại Thôn 8, xã PT, huyện Phúc Thọ. Vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2019 thì P sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do chị với anh không có tiếng nói chung luôn bất đồng quan điểm sống, chị và gia đình bên nhà chồng đã khuyên can anh việc uống rượu có hại sức khỏe nhưng anh không thay đổi, hơn nữa anh không chịu khó đi làm, anh không có trách nhiệm chia sẻ về kinh tế và công việc gia đình với chị. Ngày 10/7/2024 anh yêu cầu chị phải đưa 20 triệu đồng để anh đi mua xe máy, chị nói không có tiền anh chửi bới rồi khóa cổng không cho chị vào trong nhà. Chị và con phải về nhà riêng của chị ở Thôn 12, xã PT, huyện Phúc Thọ sinh sống. Từ đó vợ chồng sống ly thân không còn quan tâm không còn quan hệ tình cảm với nhau nữa. Nay chị xác định hết tình cảm vợ chồng đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải đưa vụ án ra xét xử cho chị được ly hôn anh L.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con là cháu Dương Đình P, sinh ngày 06/10/2011 (hiện cháu mạnh khỏe, bình thường đang ở cùng với chị). Ly hôn chị xin nuôi cháu P và không yêu cầu anh L phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung; Nợ chung; Công sức: Chị X không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

***Bị đơn - anh Dương Văn L:**

Sau khi Tòa án thụ lý đơn ly hôn theo đơn khởi kiện của chị X, Tòa án đã thông báo hợp lệ nhiều lần cho anh L đến Tòa án để giải quyết việc ly hôn theo quy định của pháp luật nhưng anh không đến Tòa án làm việc. Tòa án cùng chính quyền địa phương, trưởng thôn trực tiếp đến nhà anh L tổng đạt các văn bản tố tụng gồm: Thông báo thụ lý vụ án; Giấy báo; Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Giấy triệu tập đến phiên tòa; Quyết định hoãn phiên tòa cho anh L nhưng anh L không hợp tác, anh L có đến Tòa án 01 lần và trình bày nếu chị X kiên quyết xin ly hôn và xin nuôi con anh nhất trí nhưng anh không ký, không nhận văn bản nên Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

***Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phúc Thọ phát biểu ý kiến:**

*Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định của pháp luật.

* Về nội dung vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ các quy định của pháp luật, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị X, cho chị X được ly hôn anh Dương Văn L.

+ Về con chung: Cháu Dương Đình P, sinh ngày 06/10/2011 có nguyện vọng ở với mẹ, nên giao cho chị X tiếp tục trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cháu P.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ghi nhận chị X không yêu cầu giải quyết.

+ Về tài sản chung: Ghi nhận chị X không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Quan hệ tranh chấp giữa các đương sự trong vụ án là “*Tranh chấp về ly hôn, nuôi con chung*” hiện chị X, anh L đang có hộ khẩu trú tại xã PT, huyện Phúc Thọ, thành phố Hà Nội. Căn cứ Khoản 1, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Phúc Thọ, thành phố Hà Nội thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

Anh L không hợp tác, không có mặt dù đã được thông báo hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh L là đúng quy định tại Khoản 2, Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Chị Nguyễn Thị X và anh Dương Văn L kết hôn năm 2010 trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã PT, huyện Phúc Thọ, thành phố Hà Nội là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn và đã sống ly thân đến nay cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, không còn quan tâm đến nhau nữa. Quá trình giải quyết vụ án, anh L không hợp tác, không tham gia các phiên hòa giải tại Tòa án. Đồng thời, theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 về tình nghĩa vợ chồng thì: *Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình; Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp, công tác, học tập, tham gia các hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và lý do chính đáng khác.* Như vậy hiện tại chị X và anh L đã sống ly thân và đều không thực hiện đúng nghĩa vụ vợ chồng. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định mâu thuẫn giữa chị X và anh L đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Xét cho chị X được ly hôn anh L là phù hợp với quy định tại Điều 51 và Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2]. Về con chung: Chị X và anh L có 01 con chung là cháu Dương Đình P, sinh ngày 06/10/2011. Khi ly hôn chị X xin nuôi dưỡng cháu P và không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con chung.

Hội đồng xét xử xét thấy: Hiện chị X đang trực tiếp nuôi con chung, cháu P có nguyện vọng được ở cùng mẹ. Do vậy, cần giao con chung cho chị X tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục sau khi ly hôn là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ghi nhận sự tự nguyện của chị X không yêu cầu anh L phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[2.3]. Về tài sản chung: Chị X không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về án phí: Chị X phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào các Điều 28, 35 và Điều 39; Khoản 4 Điều 147; Khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 26, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc hội Khóa 14 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị X, cho chị X được ly hôn anh Dương Văn L.

2. Về con chung: Giao cháu cháu Dương Đình P, sinh ngày 06/10/2011 cho chị Nguyễn Thị X trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng đến khi cháu P đủ 18 tuổi hoặc khi có quyết định thay đổi khác.

Anh Dương Văn L được quyền đi lại, thăm nom con chung không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ghi nhận chị Nguyễn Thị X không yêu cầu giải quyết.

3. Về tài sản chung: Ghi nhận chị Nguyễn Thị X không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị X phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu số 0013243 ngày 21/8/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phúc Thọ, thành phố Hà Nội.

5. Về quyền kháng cáo: *Căn cứ Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;*

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (*Mười lăm*) ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (*Mười lăm*) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết tại nơi họ cư trú.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- TAND TP. Hà Nội;
- VKSND huyện Phúc Thọ;
- Chi cục THADS huyện Phúc Thọ;
- UBND xã PT;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thanh Hải

